

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2021

*“V/v yêu cầu giải quyết ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Rmah HThuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Tô Thị Lành

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Trúc-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 712/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc *“Yêu cầu giải quyết ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1966

Địa chỉ: Lô 11B, khu tái định cư, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.  
Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Ông Cao Hùng N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Lô 11B, khu tái định cư, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.  
Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phan Thị Đ trình bày:*

Bà với ông Cao Hùng N đã tự nguyện sống chung từ năm 1990 và đã đăng ký kết hôn từ năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, bà cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Hùng N.

Bà với ông N có 02 con chung tên là Cao Đức T, sinh năm 1997 và Cao Thị Hồng Q, sinh năm 2001. Hiện nay, các con đều đã trên 18 tuổi, đã sống tự lập nên bà không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, hai vợ chồng tự thỏa thuận bà Đ không yêu

cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Cao Hùng N. Tuy nhiên, ông N không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, ông Nam không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự. Tòa án nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Cao Hùng N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông Cao Hùng N có nơi cư trú tại Lô 11B, khu tái định cư, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Cao Hùng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Phan Thị Đ và ông Cao Hùng N đã tự nguyện sống chung từ năm 1990 và đã đăng ký kết hôn từ năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay, bà cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Hùng N.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa bà Đông và ông nam là do hai vợ chồng không hợp tính nhau, quan điểm sống khác nhau, không thông cảm cho nhau dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã triệu tập ông N để tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau và đề giải quyết vụ án nhưng ông N không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên hòa giải. Như vậy, ông N đã không còn yêu thương đối với bà Đ và không quan tâm đến tình cảm vợ chồng cũng như việc xây dựng gia đình. Đến nay bà Đ khẳng định không còn tình cảm yêu thương ông N nữa nên bà vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đông là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà Đ với ông N có 02 con chung tên là Cao Đức T, sinh năm 1997 và Cao Thị Hồng Q, sinh năm 2001. Hiện nay, các con đều đã trên 18 tuổi, đã sống

tự lập, bà Đ không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, hai vợ chồng tự thỏa thuận bà Đông không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Bà Đ là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

### **Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Đ xin ly hôn ông Cao Hùng N.

1. Cho Phan Thị Đ được ly hôn ông Cao Hùng N.

2. Bà Phan Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 000543 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Như vậy, bà Phan Thị Đ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với ông Cao Hùng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
  - VKSND thành phố P;
  - Chi cục THADS thành phố P;
  - Các đương sự;
  - UBND phường H, TP. P
- (GCNKH số 50, QS 01, 2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Rmah HThuyên**